

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/4/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Không

2. Ông Trần Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 470/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ – HPT ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1985

- Bị đơn: Anh Trần Tấn P, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cùng chỗ ở: Tổ F, ấp G, xã X, huyện C, Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Trần Tấn P tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyền số 01/2004, ngày 23/11/2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên nhậu nhẹt về đánh

đập vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung: Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/9/2005, Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 03/10/2007 và Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2010. Hiện nay cháu Y đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu: Ly hôn anh Trần Tấn P, về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Ngọc L và Ngọc T, tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Tấn P đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh P vắng mặt.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý cho đến nay đều đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị X được ly hôn anh P;
- Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 03/10/2007 và Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2010 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện đối với anh Trần Tấn P yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Hiện anh Trần Tấn P cư trú tại xã X, huyện C. Như vậy, căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng anh P vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Trần Tấn P tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết tại UBND xã X nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai của các đương sự nhận thấy: Chị X yêu cầu ly hôn với anh P vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh P đã được Toà án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc là không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, nhận thấy: Chị X và anh P chung sống với nhau mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cho chị X ly hôn anh P.

- Về con chung: cháu Y đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét. Đối với cháu Ngọc T và Ngọc L thì chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và anh P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con, mặt khác các cháu Ngọc T và Ngọc L có nguyện vọng sống với chị X nên giao các cháu Ngọc T và Ngọc L cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu và anh P không có lời khai về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị X khai không có và cũng không ai yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp thành án phí. Chị X đã nộp đủ án phí.

[4] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-TANDTC ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Trần Tấn P.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 03/10/2007 và Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2010 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời anh Trần Tấn P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị X đã nộp tại biên lai số 0012598 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị X đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Tâm;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung